

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2025
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Duyên
- Ông Trần Oai

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 (có mặt);
 - Bị đơn: Anh Danh U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 (có mặt);
- Cùng địa chỉ: Kp1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Danh U chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Danh U có 02 người con chung tên: Thị D, sinh ngày 09/9/1996 và Danh T, sinh ngày 15/7/1999, hiện nay các con đã trưởng thành; về tài sản chung và nợ, chị và anh Danh U tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung

sống chị và anh Danh U sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về làm ăn kinh tế trong gia đình, đến tháng 01 năm 2019 chị và anh Danh U sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Danh U không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh U. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, chị và anh Danh U tự thỏa thuận về tài sản chung, không có tranh chấp, chị và anh Danh U không người người khác, người khác không nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Danh U trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, con chung như chị Thị H trình bày trên là đúng. Anh và chị Thị H chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh và chị Thị H chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau về làm ăn kinh tế trong gia đình và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, anh và chị Thị H có 02 người con chung tên: Thị D, sinh ngày 09/9/1996 và Danh T, sinh ngày 15/7/1999, hiện nay các con đã trưởng thành; về tài sản chung và nợ, anh và chị Thị H tự thỏa thuận, không có tranh chấp, anh và chị Thị H không có người người khác, người khác không nợ anh chị. Nay về quan hệ hôn nhân, anh thấy anh và chị Thị H không còn tình cảm vợ chồng nữa, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thị H. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975, Danh U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975, Thị Diễm, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1996 và Danh T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1999 (Bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Công an thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính) và Đơn xin xác nhận ngày 19/8/2024 của chị Thị H (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Danh U; về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Danh U anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thị H; về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thị H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Danh U. Nguyên đơn và bị đơn đều nơi cư trú tại: Kp1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Thị H và anh Danh U chung sống với nhau vào năm 1995, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Danh U thì anh Danh U cũng đồng ý ly hôn với chị Thị H nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên không thể công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị được. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị H và anh Danh U là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Thị H và anh Danh U cùng thống nhất xác định, anh chị chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Thị D, sinh ngày 09/9/1996 và Danh T, sinh ngày 15/7/1999, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Thị H và anh Danh U cùng thống nhất xác định, anh chị không có tranh chấp, tự thỏa thuận chia tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị H và anh Danh U là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Thị H và anh Danh U cùng thống nhất xác định, anh chị chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Thị D, sinh ngày 09/9/1996 và Danh T, sinh ngày 15/7/1999, hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Thị H và anh Danh U cùng thống nhất xác định, anh chị không có tranh chấp, tự thỏa thuận chia tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003491 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 17/02/2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AB;
- Chi cục THADS huyện AB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo